

Bản án số: 385 /2025/HC-ST

Ngày: 29/8/2025

V/v: Khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Văn Hưng**

Ông **Lê Ngọc Thắng**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Chữ Thị Bích Lệ** - Thẩm tra viên chính
Toà án nhân dân thành phố H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà **Đinh Thị
Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H,
mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 175/2024/TLST-
HC ngày 03/6/2024 về khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà
nước về thuế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 257/2025/QĐXXST-HC ngày
14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty MN2

Trụ sở làm việc: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã B, tỉnh P.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:*

- Bà **Nguyễn Thị Thoa**, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty MN2.

- Bà **Vũ Thị Hương**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Sảnh A toà nhà A3 Vinhomes
Gradiania – Hàm Nghi, phường Từ Liêm, thành phố H.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông **Nguyễn Hữu U** và ông **Phan Chính M** – Trung tâm tư vấn pháp luật –
Học viện T

- Ông **Tạ Anh T** – Luật sư Công ty Luật TNHH EL. Địa chỉ: Phòng 1212 –
Toà CT4B khu đô thị Xa La, phường P, quận H, thành phố H.

2. Người bị kiện:

2.1. Cục Trưởng Cục Hải quan H

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **Chi Cục Trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX.**

Trụ sở làm việc : Số 129 Nguyễn Phong Sắc, phường C, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Mạnh T**, chức vụ: Phó Chi Cục trưởng.

2.2 Chi cục Hải quan V

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **Hải quan V - Chi Cục Hải quan Khu vực XX**

Trụ sở làm việc: Km 16, Quốc lộ 2, Phường P, tỉnh P.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phạm Anh Đ**, chức vụ: Phó Đội trưởng Hải quan V.

2.3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **Đội trưởng Hải quan V - Chi Cục Hải quan Khu vực XX**

Trụ sở làm việc: Km 16, Quốc lộ 2, Phường P, tỉnh P.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phạm Anh Đ**, chức vụ: Phó Đội trưởng Hải quan V.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa: *Công ty MN2, Chi cục Trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX, Đội trưởng và Hải quan V.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty MN2 (sau đây gọi tắt là Công ty MN2) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500554810, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2015, thay đổi lần thứ 7 ngày 5/4/2023. Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh V cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 7624542563, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 18/12/2019, thay đổi lần thứ 2 ngày 4/10/2021 cho Dự án đầu tư “*Tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại và chất thải công nghiệp*”, sản phẩm tái chế là Nhôm thỏi.

Ngày 8/7/2020, Công ty MN2 được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.124.VX (cấp lần đầu), trong đó đầu vào là nhôm chất thải, sau quá trình xử lý, sản phẩm thu được là nhôm thỏi (sản phẩm tái chế). Hiệu lực giấy phép đến ngày 8/7/2025.

Ngày 9/6/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.124.VX (cấp lần hai) cho Công ty MN2. Giấy phép này có hiệu lực đến ngày 9/6/2026 và thay thế Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.124.VX (cấp lần đầu) ngày 8/7/2020.

Ngày 4/7/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 245/GPMT-BNNMT cho Công ty MN2. Thời hạn 7 năm, kể từ ngày ký giấy phép đến ngày 3/7/2032.

Ngày 5/9/2022, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 3652/TCHQ-TXNK có nội dung: Kể từ ngày 10/01/2022, sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thuộc đối tượng được miễn thuế xuất khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; cơ sở, căn cứ xác định miễn thuế quy định tại khoản 3 Điều 25 và khoản 6 Điều 40 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, đến nay do Bộ Tài nguyên Môi trường chưa ban hành danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải nên từ ngày 10/01/2022 cơ quan Hải quan chưa có căn cứ để xem xét xử lý miễn thuế xuất khẩu theo quy định đối với sản phẩm thu được từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.

Ngày 4/10/2023, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 3127/HQHN về việc giá trị hải quan và chính sách thuế hàng xuất khẩu gửi Chi cục Hải quan V. Nội dung: ...Yêu cầu Chi cục Hải quan V thực hiện thu bổ sung thuế xuất khẩu, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với các tờ khai khai báo “sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất”, đã được áp dụng chính sách miễn thuế xuất khẩu của Công ty MN2 trong giai đoạn từ ngày 10/01/2022 đến nay. Báo cáo kết quả thực hiện về Cục trước ngày 20/11/2023.

Ngày 13/11/2023, Chi cục Hải quan V ban hành Thông báo số 1276/TB-HQVP về việc nộp thuế với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty MN2. Nội dung: Cơ quan Hải quan nhận thấy chưa đủ cơ sở pháp lý áp dụng chính sách miễn thuế xuất khẩu đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 10/01/2022 của Công ty MN2 đối với sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải (76 tờ khai hàng hóa xuất khẩu). Cụ thể: Số tiền thuế Công ty phải nộp là: 19.985.953.318đồng; Số tiền thuế Công ty đã nộp với các tờ khai có tỷ lệ pha phối nguyên liệu là 83.887.849đồng. Công ty MN2 thực hiện nộp thuế theo chênh lệch giữa số tiền đã nộp và số tiền phải nộp. Số tiền còn phải nộp là 19.902.065.469đồng; Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền chậm nộp. Nơi nộp: Kho bạc nhà nước Phúc Yên; Hình thức nộp chuyển khoản.

Ngày 01/12/2023, Chi Cục trưởng chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 706/QĐ-HQVP về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Nội dung: Ấn định thuế đối với mặt hàng xuất khẩu thuộc các tờ khai chi tiết theo bảng kê đính kèm (76 tờ khai) của Công ty MN2; Lý do: Cơ quan Hải quan nhận thấy chưa đủ cơ sở pháp lý áp dụng chính sách miễn thuế xuất khẩu đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 10/01/2022 của Công ty MN2 đối với sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải; Số tiền ấn định thuế: 19.908.210.569đồng.

Ngày 4/12/2023, Công ty Nguyệt Minh khiếu nại Quyết định số 706/QĐ-HQVP đề nghị Chi cục Hải quan V không ấn định thuế đối với các tờ khai xuất khẩu

tại bản kê đính kèm quyết định trên. Ngày 26/12/2023, Chi Cục trưởng chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 743/QĐ-HQVP về việc giải quyết khiếu nại đối với Công ty MN2 (lần đầu). Nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 1/12/2023 của Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Không đồng ý với Quyết định số 743/QĐ-HQVP, Công ty MN2 khiếu nại tiếp đến Cục Hải quan thành phố H. Tại Quyết định số 391/QĐ – HQHN ngày 29/3/2024 của Cục Hải quan thành phố H giải quyết khiếu nại đối với Công ty MN2 (lần hai) với nội dung: Yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V sửa đổi, bổ sung các Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần đầu) và Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 1/12/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể:

+ Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023: Phần căn cứ của Quyết định: Sửa đổi nội dung căn cứ pháp lý dẫn chiếu sai; bổ sung nội dung tổ chức, cá nhân được giao tham mưu giải quyết vụ khiếu nại và dẫn chiếu các báo cáo xác minh tại đoạn câu “ Theo báo cáo của...tại Văn bản số...ngày...tháng...năm về việc giải quyết khiếu nại của...với các nội dung sau đây”;...Bổ sung nội dung các căn cứ pháp luật để kết luận nội dung giải quyết khiếu nại.

+ Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023: Điều 2 của Quyết định: Sửa đổi nội dung “ Lý do ấn định thuế” theo đúng quy định tại Điều 52 Luật quản lý thuế và bổ sung nội dung “Điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng”.

Ngày 23/5/2024, Chi cục trưởng chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 213/QĐ-HQVP về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Nội dung:

+ Lý do ấn định thuế: Công ty MN2 kê khai sai đối tượng miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

Ngày 30/5/2024, Chi cục Hải quan V tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty MN2 về hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan: Hành vi khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp vi phạm về khai hải quan (quy định tại khoản 2 Điều 18 và khoản 1 Điều 29 Luật Hải quan 2014). Số tiền thuế khai thiếu của 76 tờ khai xuất khẩu trong thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là 19.908.210.569đồng. Tại thời điểm lập biên bản Công ty MN2 chưa nộp số tiền thuế khai thiếu. Quy định tại: điểm c khoản 1 và

điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Ngày 31/5/2024, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 228/QĐ-HQVP về việc Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty MN2. Nội dung: Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với 76 tờ khai (Số tiền thuế chênh lệch > 2.000.000đồng/tờ khai) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể: 19.908.210.560đồng x 20% = 3.981.642.113đồng; Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu.

Công ty MN2 trình bày: Sản phẩm nhôm thỏi tái chế của công ty thuộc đối tượng ưu đãi miễn thuế xuất khẩu phù hợp với quy định của Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2014. Từ ngày 10/01/2022 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực, Chi cục Hải quan V vẫn giải quyết miễn thuế xuất khẩu cho sản phẩm nhôm thỏi tái chế của công ty. Đến tháng 5/2023, công ty được thông báo là sản phẩm tái chế của công ty không được miễn thuế nữa với lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành danh mục hoặc tiêu chí của sản phẩm tái chế nên Hải quan chưa có cơ sở xem xét. Việc này công ty cho rằng không hợp lý, từ ngày 10/01/2022 (ngày Nghị định 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực) đến ngày 22/05/2023 thì cơ sở nào để Chi cục Hải quan V cho sản phẩm nhôm thỏi của công ty được miễn thuế xuất khẩu và thông quan các tờ khai. Trong khi đó, sản phẩm nhôm thỏi của công ty đã được miễn thuế xuất khẩu theo Luật thuế xuất nhập khẩu và theo quy định các Nghị định 19/2015/ND-CP, Nghị định 40/2019/NĐ-CP, Công văn số 2580/TCMT-BTMMT ngày 14/8/2020, Công văn số 5535/TCHQ-TXNK ngày 20/8/2020 của Tổng cục Hải quan; Kết luận kiểm tra sau thông quan 888/KL-HQHN ngày 1/4/2021 đều xác nhận sản phẩm của công ty là sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được miễn thuế. Mặt khác, tại công văn số 6710/BTNMT-TCMT ngày 8/11/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường gửi cho Bộ Tài chính đã nêu rất rõ “về việc xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế thì căn cứ vào Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực)”. Do đó, sản phẩm của công ty đủ điều kiện được xem xét miễn thuế xuất khẩu.

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/01/2024 và các yêu cầu khởi kiện bổ sung gửi Tòa án, Công ty MN2 đề nghị giải quyết các vấn đề sau:

+ Hủy Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Hủy Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Hủy Quyết định số 228/QĐ-HQVP ngày 31/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc Xử phạt vi phạm hành chính.

+ Hủy các Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần đầu) và Quyết định số 391/QĐ – HQHN ngày 29/3/2024 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần hai).

+ Buộc Chi cục Hải quan V hoàn lại khoản thuế đã nộp và bồi thường thiệt hại thực tế, phát sinh do Quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra theo quy định pháp luật kể từ ngày ban hành Quyết định 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 xử phạt vi phạm hành chính xử phạt vi phạm hành chính với số tiền thiệt hại phát sinh như: 80 công nhân lao động của Công ty nghỉ, mất việc làm, công ty bị phạt vi phạm hợp đồng mua, bán hàng hóa với các đối tác, mất uy tín với công ty Nhật đang là đối tác liên doanh với công ty, các thu nhập hợp pháp khác mà pháp luật quy định với tổng số tiền bồi thường là **25.900.000.000 đồng**.

****Người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H do Chi cục trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng có ý kiến như sau:***

Căn cứ ban hành Quyết định số 391/QĐ-HQHN ngày 29/3/2024 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty MN2:

Ngày 23/01/2024, Cục Hải quan thành phố H nhận được Đơn Khiếu nại của bà Trần Ngọc Lan, Giám đốc Công ty MN2 với nội dung khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V.

Căn cứ Luật Khiếu nại, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại và căn cứ Thông tư số 05/2021/TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định qui trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, Chi Cục Hải quan Khu vực XX đã thực hiện giải quyết khiếu nại lần 2 của Công ty theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đúng qui định của pháp luật, cụ thể:

1.1- Đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật và ban hành Thông báo số 336/TB-HQHN ngày 01/02/2024

về việc thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và Quyết định số 132/QĐ-HQHN ngày 16/02/2024 về việc xác minh nội dung khiếu nại;

1.2- Gửi Giấy mời và làm việc với người khiếu nại (Công ty MN2)/người bị khiếu nại (Hải quan V) để tiến hành làm rõ xác minh nội dung khiếu nại, nội dung làm việc được lập thành Biên bản và có chữ ký của các bên. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại như sau:

a. Đối với người khiếu nại: Kiểm tra chứng từ hồ sơ xuất khẩu doanh nghiệp khai báo đính kèm trên hệ thống nghiệp vụ điện tử hải quan nhận thấy: tại Bảng kê định mức sản phẩm xuất khẩu, nội dung cột “Tên nguyên liệu” thể hiện là “Nhôm phế liệu”.

Căn cứ theo qui định tại điểm b khoản 19 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu qui định “*sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải*” thuộc đối tượng miễn thuế xuất khẩu;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 qui định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thay thế Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019, trong đó qui định “*Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các qui định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa*”;

Căn cứ nội dung chứng từ xuất khẩu trong bộ hồ sơ xuất khẩu được Công ty xuất trình và cung cấp cho cơ quan hải quan thì việc miễn thuế hàng hóa xuất khẩu của Công ty với mặt hàng xuất khẩu khai báo là “*Nhôm thỏi hợp kim, được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất của Công ty*” là chưa đúng với các qui định pháp luật dẫn trên .

b. Đối với người bị khiếu nại:

- Quyết định ấn định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục Hải quan V:

+ Nội dung ghi “lý do ấn định thuế” tại Điều 2 của Quyết định 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 là không đúng với qui định khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý thuế và qui định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Thuế.

+ Không nêu rõ điểm, khoản, điều của văn bản qui phạm pháp luật được áp dụng để ấn định thuế.

- Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023 của Chi cục Hải quan V:

+ Về nội dung: Căn cứ văn bản pháp luật dẫn chiếu sai Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 và Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Không dẫn chiếu báo cáo xác minh do Chi cục thành lập theo Quyết

định 729/QĐ-HQVP ngày 15/12/2023; Nội dung kết luận chưa nêu rõ căn cứ pháp lý, qui định tại văn bản nào để kết luận đúng, sai hay đúng một phần, sai một phần.

+ Về thể thức: Cơ bản chưa đúng mẫu số 15 theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 hướng dẫn Luật Khiếu nại năm 2011.

1.3- Sau khi có kết quả làm việc với các bên, Tổ trưởng Tổ xác minh khiếu nại đã có các Tờ trình báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 38/BC-TXM ngày 06/3/2024, số 40/BC-TXM ngày 14/3/2024 và Chi Cục Hải quan Khu vực XX đã chủ trì tiến hành đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại theo qui định. Kết quả buổi đối thoại chưa có ý kiến thống nhất giữa người khiếu nại và người bị khiếu nại, cụ thể:

- *Ý kiến của người bị khiếu nại (Hải quan V):* Theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP căn cứ vào các sản phẩm đã được nêu trong dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ sở để xem xét xử lý miễn thuế xuất khẩu theo quy định. Theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định này tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, đồng thời Bộ TNMT chưa ban hành Danh mục, tiêu chí để xác định sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải nên cơ quan hải quan chưa có căn cứ để xem xét xử lý miễn thuế xuất khẩu. Do đó, Chi cục Hải quan V đã thực hiện ấn định thuế theo Quyết định số 706/QĐ- HQVP ngày 01/12/2023.

- *Ý kiến của người khiếu nại (Công ty MN2):* Yêu cầu thu hồi 706/QĐ- HQVP ngày 01/12/2023 và Quyết định số 743/QĐ- HQVP ngày 26/12/2023 do hàng hóa xuất khẩu của Công ty thuộc đối tượng được miễn thuế xuất khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

1.4- Căn cứ các qui định của pháp luật, kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết quả đối thoại, Chi Cục Hải quan Khu vực XX đã ban hành Quyết định số 391/QĐ-HQHN ngày 29/3/2024 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH TMDV Môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminiu (lần hai).

2. Về cơ sở, căn cứ pháp lý ban hành các Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023; Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 21/5/2024 về sửa đổi, bổ sung Quyết định ấn định thuế số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 và Quyết định số 228/QĐ-XPHC ngày 31/5/2024 về xử phạt vi phạm hành chính của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V (nay là Hải quan V):

- Căn cứ điểm b khoản 19 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 qui định: “*Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thuộc trường hợp được miễn thuế xuất khẩu*”

- Căn cứ khoản 3 Điều 25 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ qui định: “*Căn cứ để xác định ... sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ*

hoạt động tái chế, xử lý chất thải thực hiện theo qui định của Bộ tài nguyên và Môi trường”.

Căn cứ khoản 6 Điều 40 Nghị định 134/2016/NĐ-CP qui định: “*Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục hoặc tiêu chí để xác định máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dụng nhập khẩu để bảo vệ môi trường và sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải*”

- Điểm d mục 2 phụ lục XXX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 10/01/2022) qui định: “*Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các qui định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa*”.

- Căn cứ các quy định nêu trên, cơ sở để cơ quan hải quan xem xét xử lý miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm thu được từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải là Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa ban hành Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải. Từ ngày 22/5/2023 trở đi, Công ty MN2 đã thực hiện nộp thuế xuất khẩu cho các lô hàng xuất khẩu khai báo trên tờ khai hải quan “*Nhôm thỏi hợp kim (sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất của công ty)*”.

- Căn cứ qui định tại Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế thì việc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 thực hiện việc ấn định thuế đối với các tờ khai xuất khẩu khai báo “*Nhôm thỏi hợp kim (sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất của công ty)*” trong giai đoạn từ 10/01/2022 đến 22/5/2023 là phù hợp với các qui định của pháp luật.

***Người bị kiện là Đội trưởng và Hải quan V có ý kiến như sau:**

1. Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty: Hải quan V đã thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại tại Chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Kết quả giải quyết khiếu nại, Hải quan V đã ban hành Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần đầu).

2. Căn cứ pháp lý việc thực hiện ấn định thuế của cơ quan hải quan tại Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Hải quan V:

- Căn cứ điểm b khoản 19 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 qui định: “*Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thuộc trường hợp được miễn thuế xuất khẩu*”

- Căn cứ khoản 3 Điều 25 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ qui định: “*căn cứ để xác định sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường*”.

Căn cứ khoản 6 Điều 40 Nghị định 134/2016/NĐ-CP qui định: “*Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục hoặc tiêu chí để xác định máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dụng nhập khẩu để bảo vệ môi trường và sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải*”

- Điểm d mục 2 phụ lục XXX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 10/01/2022) qui định: “*Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các qui định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa*”.

Từ 10/01/2022 đến 21/05/2023: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không quy định về Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm xuất khẩu từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải theo quy định tại pháp luật về thuế, không quy định việc xác định sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải là các sản phẩm đã được nêu trong dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ sở xử lý chất thải như đã quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP trước đây

Vướng mắc này đã được trả lời tại công văn 6701/BTNMT-TCMT ngày 08/11/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường: “*Để xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thì căn cứ vào Giấy phép môi trường hoặc Giấy phép xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực. Đối với Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, thông tin về hoạt động tái chế và sản phẩm tái chế từ hoạt động xử lý chất thải của cơ sở được nêu tại Phụ lục I của Giấy phép*”.

Ngày 22/05/2023, Tổng cục Hải quan ban hành công văn 2422/TCHQ-TXNK, Hải quan V đã thông báo với Công ty và đề nghị Công ty kiến nghị trực tiếp với Bộ Tài nguyên Môi trường, Công ty đã chủ động khai báo thuế xuất khẩu với các tờ khai đăng ký sau ngày 22/05/2023 và gửi công văn số 2908/2023/NM2 ngày 29/05/2023 đến Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Tài Chính đề nghị được hướng dẫn về sản phẩm tái chế miễn thuế của Công ty.

Hải quan V đã có công văn số 935/HQVP-NV ngày 16/08/2023 về việc kiểm tra trị giá hải quan và chính sách thuế, trong đó nêu rõ vướng mắc liên quan đến cơ sở xét miễn thuế xuất khẩu của Công ty MN2.

Thực hiện nội dung công văn số 3127/HQHN-TXNK ngày 04/10/2023 của Cục Hải quan TP. Hà Nội (nay là Chi Cục Hải quan Khu vực XX) về việc trị giá hải quan và chính sách thuế hàng hóa xuất khẩu, Chi cục Hải quan đã làm việc với Công ty MN2 để thông báo về việc chưa đủ cơ sở xét miễn thuế với các tờ khai xuất khẩu của Công ty trong giai đoạn từ 01/10/2022 đến ngày 22/5/2023.

Căn cứ vào các quy định dẫn trên, cơ sở để cơ quan hải quan xem xét xử lý miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm thu được từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải là Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tuy nhiên đến thời điểm ban hành Quyết định ấn định thuế, Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa ban hành Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải. Từ ngày 22/5/2023 trở đi, Công ty MN2 đã thực hiện nộp thuế xuất khẩu cho các lô hàng xuất khẩu khai báo trên tờ khai hải quan *“sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất của công ty”*.

Căn cứ quy định tại Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế thì việc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 thực hiện việc ấn định thuế đối với các tờ khai xuất khẩu khai báo *“sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất của công ty”* trong giai đoạn từ 10/01/2022 đến 22/5/2023 là phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Căn cứ pháp lý việc thực hiện xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan tại Quyết định số 228/QĐ-XPHC ngày 31/05/2024 của Chi cục trưởng Hải quan V: Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Căn cứ Luật Hải quan ngày 23/6/2014; Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Căn cứ Nghị định 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;

Hành vi khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan của Công ty MN2 vi phạm quy định về khai hải quan (quy định tại khoản 2 điều 18 và khoản 1

điều 29 Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014). Số tiền thuế khai thiếu của 76 tờ khai xuất khẩu trong thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là: 19,908,210,569 đồng.

Hải quan V đã gửi Giấy mời số 550/GM-HQVP ngày 23/05/2024 mời người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật của Công ty MN2 để làm việc về việc xử phạt vi phạm hành chính. Công ty đã gửi công văn số 14/2024/NMD ngày 24/05/2024 về việc tạm hoãn đến làm việc theo Giấy mời số 550/GM-HQVP ngày 23/05/2024, theo công văn nêu trên, do còn nhiều vấn đề vướng mắc phát sinh nên Công ty chưa thể cử đại diện để làm việc với cơ quan hải quan theo quy định. Hải quan V đã gửi công văn số 559/HQVP-NV ngày 27/05/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu Công ty cử người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật đến trụ sở Hải quan V để tiến hành lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính trong thời gian muộn nhất là vào ngày 30/05/2024. Công ty đã gửi công văn số 16/2024/NMD ngày 30/05/2024 về việc hoãn đến làm việc theo công văn số 559/HQVP-NV đến khi có quyết định hoặc bản án của cơ quan nhà nước có hiệu lực pháp luật và Công ty đã không có mặt tại trụ sở cơ quan hải quan trong thời hạn được yêu cầu.

Vào lúc 17h00 ngày 30/05/2024, Đội Nghiệp vụ - Hải quan V đã lập biên bản vi phạm hành chính với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan của Công ty MN2 dưới sự chứng kiến của Ông Nguyễn Văn Công. Công ty MN2 do nguyên nhân khách quan không thể có mặt. Việc lập biên bản vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020, hành vi vi phạm của Công ty không thuộc trường hợp được giải trình, công chức đề xuất ban hành Quyết định ấn định thuế đã lập Biên bản vi phạm hành chính.

Vụ việc của Công ty MN2 có nhiều tình tiết phức tạp, gây khó khăn trong việc xác định hành vi vi phạm. Theo trình bày của Công ty tại công văn số 14/2024/NMD ngày 24/05/2024 nêu trên, Công ty đã phải dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh và chấm dứt Hợp đồng lao động với hàng loạt nhân sự chủ chốt. Đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, Công ty vẫn chưa nộp số tiền thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước. Việc xử phạt vi phạm với số tiền phạt tạm tính là 3,981,642,113 VND ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ, ngày

23/12/2021 của Chính Phủ, Hải quan V đã lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 30/05/2024.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, việc Chi cục trưởng Hải quan V ban hành Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 228/QĐ-XPHC ngày 31/05/2024 đối với hành vi khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Công ty MN2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Hủy Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Hủy Quyết định số 228/QĐ-HQVP ngày 31/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc Xử phạt vi phạm hành chính.

+ Hủy các Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần đầu) và Quyết định số 391/QĐ – HQHN ngày 29/3/2024 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần hai).

Công ty MN2 xin rút yêu cầu khởi kiện buộc cơ quan hải quan hoàn trả khoản thuế đã nộp và bồi thường các khoản thiệt hại thực tế phát sinh cho Công ty kể từ khi ban hành các quyết định hành chính nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chi cục Trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX và Đội trưởng Hải quan V giữ nguyên quan điểm tại các Quyết định hành chính đã ban hành, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H nêu quan điểm hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 3; Điều 32, Điều 116 Luật TTHC; Luật Quản lý thuế 2019; Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2016; Luật Hải quan 2014; Luật xử lý vi phạm hành chính 2020; Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2 và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do Công ty MN2 rút yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí: Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Công ty MN2 (gọi tắt là Công ty MN2) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H hủy Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023; Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần đầu); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 228/QĐ-XPHC ngày 31/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V; Quyết định số 391/QĐ-HQHN ngày 29/3/2024 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 Daiki (lần hai). Đây là các Quyết định hành chính được ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 3 điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì khiếu kiện đối với Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H và Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan V. Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố H.

Khi xem xét tính pháp lý của các Quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử cần phải xem xét tính hợp pháp của Thông báo số 1062/TB-HQVP ngày 23/9/2024 của Chi cục Hải quan V về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu là văn bản hành chính có liên quan theo quy định tại Điều 6 Luật tố tụng hành chính.

Sau khi tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhà nước theo Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc Hội, ngày 26/2/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành [Quyết định 382/QĐ-BTC](#) quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan là tổ chức thuộc Bộ Tài chính. Và theo đó, Cục Hải quan thành phố H sau sắp xếp trở thành Chi cục Hải quan Khu vực 1 có trụ sở làm việc tại Hà Nội, người đại diện là Chi cục trưởng và địa bàn quản lý gồm Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hòa Bình, Yên Bái. Chi cục Hải quan V sau sắp xếp thành

Hải quan V và người đại diện là Đội trưởng. Do vậy, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XX là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H, Đội trưởng và Hải quan V là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chi cục trưởng và Chi cục Hải quan V trong vụ án.

Đơn khởi kiện của Công ty MN2 đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Công ty MN2 xin rút một phần khởi kiện, cụ thể không yêu cầu buộc Hải quan V hoàn trả khoản thuế đã nộp và bồi thường các khoản thiệt hại thực tế phát sinh cho Công ty kể từ khi ban hành các quyết định hành chính nêu trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Luật tố tụng hành chính đình chỉ yêu cầu này của Công ty MN2.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Đối với Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 của Chi cục trưởng chi cục Hải quan V về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

[2.1.1]. Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định tại Điều 19 Luật Quản lý thuế năm 2019; Điều 84, 85 của Luật Hải quan, Điều 16 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 và Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Tuy nhiên, Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V có nội dung ghi "lý do ấn định thuế" tại Điều 2 của Quyết định 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 là không đúng với qui định khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý thuế và qui định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Thuế. Và Quyết định cũng không nêu rõ điểm, khoản, điều của văn bản qui phạm pháp luật được áp dụng để ấn định thuế. Sai sót này đã được Quyết định số 391/QĐ – HQHN ngày 29/3/2024 của Cục Trưởng Cục Hải quan thành phố H xác định và đã yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V phải điều chỉnh sửa đổi bổ sung lại cho đúng quy định của pháp luật đối với Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023. Và ngày 23/5/2024, Chi cục trưởng chi cục Hải quan V đã ban hành Quyết định số 213/QĐ-HQVP về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

[2.1.2] Về nội dung giải quyết của các Quyết định, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về việc xác định sản phẩm nhôm thải của Công ty MN2:

Công ty MN2 được Ban quản lý các khu công nghiệp - UBND tỉnh V cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7624542563 lần đầu ngày 31/3/2016, thay đổi lần hai ngày 4/10/2021 chứng nhận Dự án đầu tư: Tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại, chất thải công nghiệp, thời hạn hoạt động của Dự án 42 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu. Ngày 22/7/2019, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 1858/QĐ-BTNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định: Quy mô sản xuất tái chế nhôm phế liệu, nhôm thải không nguy hại và kết hợp đồng xử lý nhôm dính thành phần nguy hại, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm.

Tại Giấy phép xử lý chất thải nguy hại ngày 9/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thể hiện thông tin về hoạt động tái chế và sản phẩm tái chế từ hoạt động xử lý chất thải của Công ty MN2 cụ thể như sau:

+ Hệ thống tái chế nhôm gồm: 02 máy ép kiện áp suất cao, công suất 2,5 tấn/giờ/máy; 01 lò nấu nhôm, công suất 1,0 tấn sản phẩm/giờ; 01 hệ thống thu nhôm liên hoàn, công suất 1,8 tấn/giờ; 01 hệ thống tẩy rửa nhôm nguyên liệu, công suất 5 tấn/giờ. Loại hình: xử lý, tái chế.

+ Tên chất thải đưa vào hệ thống tái chế nhôm: Các thiết bị bộ phận bằng nhôm có dính thành phần nguy hại; Bao bì cứng thải bằng nhôm có dính thành phần nguy hại; Phoi nhôm từ quá trình gia công tạo hình có lẫn dầu hoặc các thành phần nguy hại; Phế liệu nhôm dính thành phần nguy hại; Xỉ nhôm, bụi nhôm từ quá trình nhiệt luyện nhôm. Mức độ xử lý theo Quy chuẩn Việt Nam 19: 2009/BTNMT, Quy chuẩn Việt Nam 07: 2009/BTNMT.

Như vậy, Công ty MN2 sản xuất nhôm thải theo dây chuyền nhập khẩu, nguyên liệu công ty mua từ cơ sở phế liệu hoặc chất thải của các nhà máy, xí nghiệp. Sản phẩm nhôm thải của công ty được cấp phép và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và bán ra thị trường từ năm 2019. Do đó, xác định sản phẩm nhôm thải của Công ty MN2 được đăng ký kinh doanh, có nhà xưởng, dây chuyền công nghệ sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định và Điểm d Mục 2 Phụ lục XXX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP về Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Về việc Công ty MN2 kê khai thuế đối với sản phẩm nhôm xuất khẩu:

Tại 76 tờ khai hải quan, Công ty MN2 kê khai đối với hàng hóa: “Mã số hàng hóa: 76012000 tương ứng với sản phẩm hợp kim nhôm. Mô tả hàng hóa: Nhôm thời hợp kim kích thước 670x95x45mm (+/-5%), thành phần nhôm (AL) min 96% (sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tại cơ sở sản xuất của công ty). Phần ghi chú trong tờ khai hải quan của Công ty MN2 thể hiện: TL AL miễn thuế 100% theo CVMT5535/TCHQ-TXNK. TL pha phối chịu thuế 0%. Trị giá FOB:\$209801 TĐVC: VP-HP.

Theo Công văn số 5535/TCHQ-TXNK ngày 20/8/2020 của Tổng cục Hải quan trả lời Công ty MN2 về thuế xuất khẩu đối với sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải có nội dung: Trường hợp Công ty MN2 có giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, sản phẩm xuất khẩu thu được từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải rắn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 19 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và khoản 23 Điều 2, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP thì được miễn thuế xuất khẩu.

Trên thực tế toàn bộ số hàng hóa này đã được Hải quan kiểm tra và chấp nhận cho thông quan.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Như phân tích ở trên, sản phẩm nhôm thời của Công ty MN2 được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tương ứng với mã hàng hóa 76012000. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan xác định sản phẩm nhôm thời của công ty thu được từ hoạt động tái chế thuộc trường hợp được miễn thuế xuất khẩu. Do đó, xác định Công ty đã kê khai, mô tả hàng hóa đầy đủ tên hàng, quy cách, thông số kỹ thuật, thành phần, kích thước, đặc tính...đúng quy định Điều 42 Luật Quản lý thuế; Chương 76 Thông tư 31/2022/TT-BTC ngày 8/6/2022 của Bộ Tài chính về việc Ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam. Vì vậy, Chi cục Hải quan V cho rằng Công ty MN2 khai sai đối tượng miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý thuế 2019 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về việc ấn định thuế:

Cơ quan Hải quan cho rằng: Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 21/5/2023, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không quy định về Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm xuất khẩu từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải theo quy định tại pháp luật về thuế, không quy định việc xác định sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải là các sản phẩm đã được nêu trong dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ sở xử lý chất thải như đã quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Do đó, cơ quan Hải quan thực hiện việc ấn định thuế đối với các Tờ khai hải quan trong giai đoạn từ ngày 10/01/2022 đến ngày 22/5/2023 đối với Công ty MN2.

Nhận thấy: Tại Công văn số 6710/BTNMT – TCMT ngày 8/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thể hiện: Từ ngày 10/01/2022 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP:

+ Khoản 1 Điều 131 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định về đối tượng được ưu đãi hỗ trợ về bảo vệ môi trường thì đối tượng được ưu đãi hỗ trợ bao gồm các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư công trình bảo vệ môi trường; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về bảo vệ môi trường thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định này.

+ Điểm đ Mục 2 Phụ lục XXX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP về Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Do đó, để xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thì căn cứ vào Giấy phép môi trường, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc trong nội dung dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Theo Công văn số 2957/BTC-TCHQ ngày 31/3/2023 của Bộ Tài chính có ý kiến: Bộ Tài nguyên và Môi trường cần ban hành Danh mục hoặc tiêu chí xác định sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải làm căn cứ áp dụng chính sách thuế xuất khẩu theo đúng thẩm quyền được giao tại Nghị định 134/2016/NĐ-CP; Trường hợp Bộ TNMT không ban hành Danh mục hoặc tiêu chí thì đề nghị cân nhắc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi hoặc bãi bỏ quy định này.

Ngày 22/5/2023, Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 2422/TCHQ-TXNK trả lời các doanh nghiệp và Cục hải quan tỉnh, thành phố về việc chính sách đối với sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải. Nội dung: *...Đến thời điểm hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành Danh mục hoặc tiêu chí để xác định sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải từ ngày 10/01/2022, cơ quan hải quan chưa có căn cứ để xem xét xử lý miễn thuế xuất khẩu theo quy định đối với sản phẩm thu được từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải; Để xử lý vướng mắc này Bộ Tài chính đã có Công văn số 2957/BTC-TCHQ ngày 31/3/2023 trao đổi với Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang nghiên cứu xử lý vướng mắc. Tổng cục Hải quan sẽ có hướng dẫn sau khi nhận được ý kiến cụ thể của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.*

Từ những căn cứ nêu trên xác định: Mặc dù Nghị định 08/2022/NĐ-CP chưa quy định Danh mục hoặc tiêu chí cụ thể để xác định sản phẩm xuất khẩu từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải theo quy định tại pháp luật về thuế. Tuy nhiên, đã quy định

tại điểm d Mục 2 Phụ lục XXX về Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa. Như vậy, Công ty MN2 sản xuất nhôm thỏi từ hoạt động tái chế chất thải nên thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi, hỗ trợ. Tại điểm b khoản 19 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu năm 2016 về Miễn thuế quy định: Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải. Do đó, có thể hiểu là sản phẩm nhôm thỏi của Công ty MN2 cũng được miễn thuế. Cùng với đó, Cơ quan Hải quan cũng chưa thống nhất với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình giải quyết về chính sách áp dụng miễn thuế đối với sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế. Ngoài ra, ngày 06/01/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 05/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường 2020. Trong đó, Nghị định 05/2025/NĐ-CP đã sửa đổi quy định về miễn thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường. Theo đó, sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thuộc Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Phụ lục XXX được ưu đãi về thuế xuất khẩu. Vì vậy, ngày 01/12/2023, Cơ quan Hải quan ấn định thuế xuất khẩu đối với sản phẩm nhôm thỏi tái chế của Công ty MN2 là chưa phù hợp.

Như vậy, Chi cục trưởng chi cục Hải quan V ban hành Quyết định số 706/QĐ-HQVP và Quyết định số 213/QĐ-HQVP về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty MN2 là không có cơ sở pháp lý làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty MN2, do đó cần phải hủy bỏ các Quyết định này.

[2.2] Đối với Quyết định số 228/QĐ-HQVP ngày 31/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc Xử phạt vi phạm hành chính:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

Hội đồng xét xử nhận định: Theo Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 6 Điều 29 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V (nay là Hải quan V) ban hành Quyết định số 228/QĐ-HQVP-CP về xử phạt vi phạm hành chính là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.2.2] Về nội dung giải quyết của Quyết định:

Hội đồng xét xử nhận định: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V (nay là Hải quan V) ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty MN2 về hành vi vi phạm hành chính khai sai đối tượng miễn thuế dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với 76 tờ khai (Số tiền thuế chênh lệch > 2.000.000đồng/tờ khai) quy định tại điểm a

khoản 3 Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể: $19.908.210.560 \text{ đồng} \times 20\% = 3.981.642.113 \text{ đồng}$; Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu.

Như phân tích ở trên, sản phẩm nhôm thời của Công ty MN2 được sản xuất từ hoạt động tái chế chất thải tương ứng với mã hàng hóa 76012000. Công ty đã kê khai, mô tả hàng hóa đầy đủ tên hàng, quy cách, thông số kỹ thuật, thành phần, kích thước, đặc tính...đúng quy định Điều 42 Luật Quản lý thuế; Chương 76 Thông tư 31/2022/TT-BTC ngày 8/6/2022 của Bộ Tài chính về việc Ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 21/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa quy định: *Bộ Tài chính hướng dẫn việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan*; điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 33/2023 – BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định: *Trường hợp Chi cục Hải quan có đủ căn cứ xác định xuất xứ hàng hóa không đúng theo nội dung khai của người khai hải quan trên tờ khai hải quan thì xử lý theo quy định và yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC*. Do đó, Công ty MN2 nếu khai chưa phù hợp hoặc còn thiếu sót, Cơ quan hải quan hướng dẫn công ty khai hoặc yêu cầu công ty khai bổ sung.

Vì vậy, Chi cục Hải quan V cho rằng Công ty MN2 khai sai đối tượng miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý thuế năm 2019 để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 228/QĐ-HQVP ngày 31/5/2024 là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty MN2 yêu cầu hủy quyết định này là có cơ sở pháp lý.

[2.3] Đối với Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023, Chi Cục trưởng chi cục Hải quan V về việc giải quyết khiếu nại đối với Công ty MN2 (lần đầu) và Quyết định số 391/QĐ – HQHN ngày 29/3/2024 của Cục Trưởng Cục Hải quan thành phố H về giải quyết khiếu nại đối với Công ty MN2 (lần hai):

[2.3.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật khiếu nại 2011; Luật Hải quan năm 2014; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại. Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H, Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan V ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.3.2] Về nội dung giải quyết của Quyết định:

Như phân tích ở trên, Quyết định số 706/QĐ-HQVP của Chi cục Hải quan V về ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty MN2 là không hợp pháp. Do đó, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V (nay là Hải quan V) giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung “giữ nguyên Quyết định số 706/QĐ-HQVP” là không có căn cứ pháp lý. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H xác định khiếu nại của Công ty MN2 là không có cơ sở xem xét giải quyết và quyết định sửa đổi bổ sung về phần căn cứ pháp luật của Quyết định số 743/QĐ-HQVP và sửa đổi bổ sung áp dụng pháp luật của Quyết định 706/QĐ-HQVP là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, có căn cứ pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2 và tuyên hủy Quyết định số 743/QĐ-HQVP và Quyết định số 391/QĐ – HQHN về việc giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V và Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H đối với khiếu nại của Công ty MN2.

Do xác định các Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 của Chi cục trưởng chi cục Hải quan V về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 và Quyết định số 228/QĐ-HQVP ngày 31/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc xử phạt vi phạm hành chính là không có cơ sở pháp lý, cần phải hủy bỏ nên Thông báo số 1062/TB-HQVP ngày 23/9/2024 của Chi cục Hải quan V yêu cầu Công ty MN2 thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuế, tiền phạt theo các Quyết định hành chính nói trên là văn bản hành chính có liên quan cũng không có giá trị pháp lý cần phải hủy bỏ.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ pháp lý để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2 về đề nghị hủy các quyết định hành chính bị kiện nói trên.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2 được chấp nhận nên Chi cục trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX, Đội trưởng Hải quan V là những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả Công ty MN2 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

Do đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại nên Hải quan V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Công ty MN2, Chi cục Trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX, Đội trưởng và Hải quan V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 204; Khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Khiếu nại; Luật Quản lý thuế năm 2019; Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu năm 2016; Luật Hải quan năm 2014; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty MN2, cụ thể:
 - Hủy Quyết định số 391/QĐ-HQHN ngày 29/3/2024 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về giải quyết khiếu nại của Công ty MN2 (lần hai);
 - Hủy Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V.
 - Hủy Quyết định số 213/QĐ-HQVP ngày 23/5/2024 của Chi cục trưởng chi cục Hải quan V về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 706/QĐ-HQVP ngày 01/12/2023 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
 - Hủy Quyết định số 743/QĐ-HQVP ngày 26/12/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH TMDV Môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium (lần đầu);
 - Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 228/QĐ-XPHC ngày 31/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan V (nay là Hải quan V).
 - Hủy Thông báo số 1062/TB-HQVP ngày 23/9/2024 của Chi cục Hải quan V về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện buộc Hải quan V hoàn trả khoản thuế đã nộp và bồi thường các khoản thiệt hại thực tế phát sinh cho Công ty MN2.

3. Về án phí: Chi cục trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX, Đội trưởng Hải quan V mỗi bên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty MN2 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023366 ngày 30/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty MN2, Chi cục trưởng Chi Cục Hải quan Khu vực XX, Đội trưởng và Hải quan V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND TP Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

